

Sao kê chi tiết từ **26/01/2016** đến **26/01/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **27/01/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				1,741,559,420.00		
26/01/2016	26/01/2016	995216012601248 - Le Hong Tuan 402906 ~NC:LE HONG TUANN36K2 BINH MINH XA DONG HUONGPHO THANH HOA - Nguoi chuyen: LE HONG TUANN36K2 BINH MINH XA DONG HUONGPHO THANH HOA	001CTD1160260011		15,060,000.00	1,756,619,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN HONG NHUNG- MA SV: 400936- NOP TIEN HOC PHI	390NT02160260001		4,860,000.00	1,761,479,420.00
26/01/2016	26/01/2016	dong tien hoc phi cho : Vuong Thi Minh Hoa, Ma SV:402607~NC:VU THI QUYNH HOA - Nguoi chuyen: VU THI QUYNH HOA	001CTD1160260024		4,860,000.00	1,766,339,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NOP TIEN HOC PHI KY II CHO SV BUI THI HAI LINH- MA SO SINH VIEN 401241~NC:PHAN THI THANH TAM - Nguoi chuyen: PHAN THI THANH TAM	001CTD1160260035		4,860,000.00	1,771,199,420.00
26/01/2016	26/01/2016	SV LE THI ANH - 401615 (NT HOC PHI)~NC:TRAN THI KIEU - Nguoi chuyen: TRAN THI KIEU	001CTD1160260041		4,800,000.00	1,775,999,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI HOAN NOP HOC PHI KY II CHO SV NGUYEN HONG PHUONG MA SV: 403807 LOP 38 KHOA 40	290NT02160260001		5,200,000.00	1,781,199,420.00
26/01/2016	26/01/2016	THAI THI HANH MSSV:401144 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260001		4,860,000.00	1,786,059,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHAM THI THU THUY MSV:400561 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260002		4,860,000.00	1,790,919,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DIEU CHINH HOANG MSSV:400537 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260005		4,860,000.00	1,795,779,420.00
26/01/2016	26/01/2016	BUI AI VIET MSSV:400515 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260006		4,860,000.00	1,800,639,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHAM THI NGOC ANH MSSV 402816 NT HOC PHI	120NT01160260007		4,500,000.00	1,805,139,420.00

26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI NGOC YEN MA SO SV: 401411, NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2	360NT02160260001		5,040,000.00	1,810,179,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HA THI HUONG.MSSV: 402157 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260008		4,860,000.00	1,815,039,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI XUAN.MSSV 402208.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260009		4,500,000.00	1,819,539,420.00
26/01/2016	26/01/2016	MSSV 403536 TRAN THUY NGA DONG TIENHOC PHI ~NC:0984575649 - Nguoi chuyen: 0984575649	001CTD1160260105		5,220,000.00	1,824,759,420.00
26/01/2016	26/01/2016	MAI THI HAI YEN MA SV 400401 SO CMT101321673 DONG TIEN HOC PHI KY IINAM HOC 2015 2016 ~NC:HN0915200125 - Nguoi chuyen: HN0915200125	001CTD1160260107		4,860,000.00	1,829,619,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRAN THI HANH CHUYEN TIEN HOC PHI KY 2 SINH VIEN LE THAI ANH MA SINH VIEN 401772 ~NC:TRAN THI HANH - Nguoi chuyen: TRAN THI HANH	001CTD1160260114		4,860,000.00	1,834,479,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LUU THANH TAM,MSSV:401606~NC:LUU HONG HAI - Nguoi chuyen: LUU HONG HAI	500CTD1160260088		4,500,000.00	1,838,979,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DO THI PHUONG MAI MSV 402822 NTHP	120NT01160260010		4,500,000.00	1,843,479,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HOANG TIEN SON NT HOC PHI CHO HOANG HONG HANH MSV 401862	240NT02160260001		4,500,000.00	1,847,979,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI HUONG LY MSV 400554 NTHP	120NT01160260011		4,860,000.00	1,852,839,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI THUY MSV 403608 NTHP	120NT01160260012		4,680,000.00	1,857,519,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HOANG THI TU OANH MSV 403602 NTHP	120NT01160260013		4,680,000.00	1,862,199,420.00
26/01/2016	26/01/2016	THAI VU HAI DANG MSV 403613 NTHP	120NT01160260014		3,240,000.00	1,865,439,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHAN THANH HAI NOP HOC PHI CHO SN PHAN NHU QUYNH MSSV 401907	300NT02160260002		4,860,000.00	1,870,299,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN NGAN HONG.MSSV: 402859 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260015		4,860,000.00	1,875,159,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LAM THI TRANG NOP HOC PHI CHO NONG THI THAO NHI; MA SO SV: 401369~NC:Lam Thi Trang - Nguoi chuyen: Lam Thi Trang	001CTD1160260126		5,040,000.00	1,880,199,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRAN NGOC LAM GIANG,MA SINH VIEN:403242 NOP HOC PHI HOC KY II-2016SDT 01238504445~NC:TRAN NGOC LAM GIANG - Nguoi chuyen: TRAN NGOC LAM GIANG	001CTD1160260133		4,860,000.00	1,885,059,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI THUY TRANG MA SINH VIEN 400129~NC:NGUYEN THI THUY TRANG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI THUY TRANG	001CTD1160260138		4,860,000.00	1,889,919,420.00
26/01/2016	26/01/2016	BUI HUYEN TRANG LOP 27 NGANH LUAT MA SV: 402760~NC:BUI HUYEN TRANG - Nguoi chuyen: BUI HUYEN TRANG	001CTD1160260143		4,860,000.00	1,894,779,420.00

26/01/2016	26/01/2016	NOP HOC PHI KY II MSV: 402758 LOP 4027. NHAN TAI NH LIEN VIET CN DONG DO~NC:Lu Thi Trang - Nguoi chuyen: Lu Thi Trang	001CTD1160260163		4,860,000.00	1,899,639,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DONG TIEN HOC PHI NGUYEN NGOC TU -MA SO SINH VIEN: 401315~NC:NGUYEN NGOC TU - Nguoi chuyen: NGUYEN NGOC TU	001CTD1160260164		4,860,000.00	1,904,499,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HOANG DIEP HA MA SV 400270 NOP HOC PHI KY II~NC:HOANG DIEP HA - Nguoi chuyen: HOANG DIEP HA	001CTD1160260177		4,560,000.00	1,909,059,420.00
26/01/2016	26/01/2016	Nguyen Quang Hung. Ma SV 400220~NC:NGUYEN QUANG VIET - Nguoi chuyen: NGUYEN QUANG VIET	001CTD1160260188		4,680,000.00	1,913,739,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI THUAN MSV 402656 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260003		4,860,000.00	1,918,599,420.00
26/01/2016	26/01/2016	BUI HONG DUYEN MSV 403352 NTHP	120NT01160260016		4,680,000.00	1,923,279,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI THUY VAN MSSV:403328 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260017		4,680,000.00	1,927,959,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HOANG MINH DUC MSSV: 401409 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260018		4,860,000.00	1,932,819,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LE THI MY HA.MSSV: 402128 NOP TIEN HOC PHI KY II	120NT01160260019		4,140,000.00	1,936,959,420.00
26/01/2016	26/01/2016	XIN THI LIEN MSSV 402338 NT HOC PHI	120NT01160260020		4,860,000.00	1,941,819,420.00
26/01/2016	26/01/2016	MA THI THANH MSSV 401450 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260006		4,860,000.00	1,946,679,420.00
26/01/2016	26/01/2016	BUI THI BANG TRINH MSSV 401455 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260007		4,860,000.00	1,951,539,420.00
26/01/2016	26/01/2016	VU LE VIET ANH MSSV 401002 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260008		4,860,000.00	1,956,399,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRUONG NGOC HUYEN MSSV 402330 NT HOC PHI	120NT01160260022		4,860,000.00	1,961,259,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LE THI THUY NGA MSSV 401033 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260009		4,500,000.00	1,965,759,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HOANG THI LIEN MSV 400971 NT	120NT01160260023		5,040,000.00	1,970,799,420.00
26/01/2016	26/01/2016	BUI THI HONG NHUNG MSV 400628 NT	120NT01160260024		4,860,000.00	1,975,659,420.00
26/01/2016	26/01/2016	BUI ANH TUAN MSV 402817 NTHP	120NT01160260025		4,860,000.00	1,980,519,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DO THI MINH TRANG NOP TIEN HOC KY 2 HOC SINH DO THI LINH CHI MSSV: 403631 CHO TRUONG DH LUAT HA NOI	101NT01160260004		4,680,000.00	1,985,199,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN MINH HUYEN MSV 400952 NTHP	120NT01160260027		4,500,000.00	1,989,699,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LY THI THANH HUE MSV 400946 NTHP	120NT01160260028		5,040,000.00	1,994,739,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHAM THU HAO MSV 402452 NTHP	120NT01160260029		4,860,000.00	1,999,599,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN SY VIET MSV 403321 NTHP	120NT01160260030		4,680,000.00	2,004,279,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRAN THANG LONG MSV 402813 NTHP	120NT01160260031		4,860,000.00	2,009,139,420.00

26/01/2016	26/01/2016	TRAN DUC LOI MSV 402804 NTHP	120NT01160260032		4,860,000.00	2,013,999,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRAN THI TRANG MSV 400547 NTHP	120NT01160260033		4,860,000.00	2,018,859,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN LAM PHU MSV 402803 NTHP	120NT01160260034		4,860,000.00	2,023,719,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI MINH THU MSSV 401058 NOP HOC PHI HOC KI II (2015-2016)	103NT01160260011		4,860,000.00	2,028,579,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THUY HANG MSV 403360 NTHP	120NT01160260035		4,680,000.00	2,033,259,420.00
26/01/2016	26/01/2016	Tran Thi Ha Phuong - MSSV 402904 - Nop hoc phi lop chat luong cao K40~NC:NONG THI THU THUY - Nguoi chuyen: NONG THI THU THUY	001CTD1160260246		15,060,000.00	2,048,319,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHAM THI PHUONG LAN MSSV 401029 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260012		4,860,000.00	2,053,179,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HOANG NGOC CUONG MSSV 402217 NT HOC PHI	120NT01160260037		5,040,000.00	2,058,219,420.00
26/01/2016	26/01/2016	Nguyen Thi Hong Mssv 401020~NC:NGUYEN THI HONG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HONG	001CTD1160260302		4,860,000.00	2,063,079,420.00
26/01/2016	26/01/2016	MSSV 401418 NGUYEN THI THU HA DONGTIEN HOC PHI ~NC:01662563964 - Nguoi chuyen: 01662563964	001CTD1160260308		4,860,000.00	2,067,939,420.00
26/01/2016	26/01/2016	995216012602743-NGUYEN THI DIU NOPTIEN HOC PHI KY 2 VAO TAI KHOAN TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI TAI LienVietPostBank CHI NHANH DONG DO MSV 40 1154~NC:QUY TDND CO SO THANH HAITHON AN LIET XA THANH HAIHUYEN THANH HA - Nguoi chuyen: QUY TDND CO SO THANH HAITHON AN LIET XA THANH HAIHUYEN THANH HA	001CTD1160260341		4,860,000.00	2,072,799,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI HUONG MSV 400601 NTHP	120CT01160260002		4,860,000.00	2,077,659,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NOP HOC PHI CHO : HA THI KHANH LINH - MA SV: 400745~NC:HA DUY KHIEM 0914013648 - Nguoi chuyen: HA DUY KHIEM 0914013648	001CTD1160260372		4,320,000.00	2,081,979,420.00
26/01/2016	26/01/2016	Nguyen bao ngoc.0986424168 CT HoC PHI Ma SINH VleN:400327~NC:Nguyen bao ngoc.0986424168 - Nguoi chuyen: Nguyen bao ngoc.0986424168	001CTD1160260379		4,860,000.00	2,086,839,420.00
26/01/2016	26/01/2016	Nghiem huu thi ma SV 402517~NC:Nghiem Huu Thi - Nguoi chuyen: Nghiem Huu Thi	001CTD1160260387		4,860,000.00	2,091,699,420.00
26/01/2016	26/01/2016	VU THI NHAN MSSV 401815 NT HOC PHI	120NT01160260039		4,500,000.00	2,096,199,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LUONG THAO CHI, MA SO SINH VIEN 402064.~NC:NGUYEN THI NHUNG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI NHUNG	001CTD1160260478		4,860,000.00	2,101,059,420.00

26/01/2016	26/01/2016	CT HOC PHI KY 2 SV VU THUY TRANG MSV 402407~NC:VU THUY TRANG MSV402407 - Nguoi chuyen: VU THUY TRANG MSV402407	001CTD1160260481		4,860,000.00	2,105,919,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THU THAO MA SV 404024 NOP TIEN HOC PHI KY 2	420NT02160260001		5,220,000.00	2,111,139,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRAN THUY TRINH NOP HOC PHI VAO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI MA SINH VIEN :400331	104NT01160260004		4,860,000.00	2,115,999,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHAM THUY TIEN NOP TIEN HOC PHI VAO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI ,MA SINH VIEN:401344	104NT01160260005		4,860,000.00	2,120,859,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LAM THI VUONG NOP TIEN HOC PHI MSSV:401471	102NT01160260005		4,500,000.00	2,125,359,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LIENVIETPOSTBANK CN DONG DANOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016 CHO LE THI HONG HANH MSV40.2917~NC:LE HUY HOANG - Nguoi chuyen: LE HUY HOANG	001CTD1160260536		15,060,000.00	2,140,419,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NOP TIEN HOC PHI CHO SV NGUYEN THI VAN ANH MA SV: 403150~NC:NGUYEN VAN CUONG - Nguoi chuyen: NGUYEN VAN CUONG	001CTD1160260578		4,680,000.00	2,145,099,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TC:VNVT180073.VCBVT.8496 5696789.CT ngoai he thong cho Truong dai hoc luat ha noi.TK 999998819998.NH LPB.VNVT20160126180073.40 2007 pham mai phuong nop hoc phi~NC:TRAN THUY AN - Nguoi chuyen: TRAN THUY AN	500CTD1160260257		5,040,000.00	2,150,139,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DUONG THI LAN ANH MSV 400151 NT	120NT01160260041		4,500,000.00	2,154,639,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI MINH TU MSSV:401443 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260042		4,860,000.00	2,159,499,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DO TRONG DAT MSV 402038 NT	120NT01160260043		4,500,000.00	2,163,999,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THAO LY MA SINH VIEN 403612~NC:NGUYEN THAO LY - Nguoi chuyen: NGUYEN THAO LY	001CTD1160260612		4,680,000.00	2,168,679,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DO HUYEN LINH MSSV:403034~NC:DO HUYEN LINH - Nguoi chuyen: DO HUYEN LINH	001CTD1160260614		15,060,000.00	2,183,739,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HOANG THI HONG NHUNG MA SINH VIEN 40166 NOP HOC PHI	122NT01160260010		4,860,000.00	2,188,599,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN VU LAM MSV 400673 NT	120NT01160260044		5,040,000.00	2,193,639,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LE PHUONG THAO MSV 402002 NT	120NT01160260045		4,860,000.00	2,198,499,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DAO DUY CUONG MSSV:402009 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260046		4,860,000.00	2,203,359,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LE THU THAO MSSV: 404011 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260047		5,220,000.00	2,208,579,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRINH THI THU HA MSSV:403310 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260048		4,680,000.00	2,213,259,420.00

26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI HUYEN MSV 402001 NT	120NT01160260049		4,860,000.00	2,218,119,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHUNG MANH TAI MSV 400435 NT	120NT01160260050		4,500,000.00	2,222,619,420.00
26/01/2016	26/01/2016	VU HAI ANH.MSSV:401446	120NT01160260051		4,680,000.00	2,227,299,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LO THI THANH.MSSV:400551 NOP TIEN HOC PHI KY II	120NT01160260052		4,500,000.00	2,231,799,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI HA.MSSV:400666 NOP TIEN HOC PHI KY II	120NT01160260053		4,860,000.00	2,236,659,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRAN VAN HUNG NOP HOC PHI CHO TRAN THI THUY DUONG MSV 402358	370NT02160260001		4,500,000.00	2,241,159,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LE THI PHUONG THANH MSSV: 400240 LOP 4002 NOP HOC PHI HOC KY II NAM 2016	124NT01160260009		4,500,000.00	2,245,659,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI KHANH LY. MSSV: 402101.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160260055		4,500,000.00	2,250,159,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HO THI HIEN.MSSV:401639.NOP TIEN HOC PHI KY II	120NT01160260056		4,860,000.00	2,255,019,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRAN DINH THANG MSV 401612 NT HOC PHI	120NT01160260057		4,860,000.00	2,259,879,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI THU CHUYEN MSSV 401602 NT HOC PHI	120NT01160260058		4,500,000.00	2,264,379,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI HOANG LAN MSSV 401608 NT HOC PHI	120NT01160260059		4,500,000.00	2,268,879,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LE THI THU THAO MSSV 402103 NT HOC PHI	120NT01160260060		4,860,000.00	2,273,739,420.00
26/01/2016	26/01/2016	MA THI MINH HANG MSSV 402842 NT HOC PHI	120NT01160260061		4,500,000.00	2,278,239,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI VAN MSV 401346 NTHP	120NT01160260062		4,500,000.00	2,282,739,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DO THI TUYET CHINH MSV 402964 NTHP	120NT01160260063		15,060,000.00	2,297,799,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PO ME NU MSV 400154 NTHP	120NT01160260064		4,860,000.00	2,302,659,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LO THI TIEM MSV 400754 NTHP	120CT01160260004		4,860,000.00	2,307,519,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LO THI KIEM MSV 401201 NTHP	120CT01160260005		4,860,000.00	2,312,379,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN BAO NGOC MSV 400728 NTHP	120NT01160260065		5,040,000.00	2,317,419,420.00
26/01/2016	26/01/2016	CA THI UT NOP TIEN HOC PHI KY II 2015-2016,NGAY SINH 08/04/1997,MSSV:400647,27 TIN=4860000	101NT01160260008		4,860,000.00	2,322,279,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NHAN TAI CN DONG DO(HA VA TEN SV: VU DIEU LINH MA SV: 403235.HOC PHI KY II-NC:LE THI LOC HA - Nguoi chuyen: LE THI LOC HA	001CTD1160260661		4,680,000.00	2,326,959,420.00
26/01/2016	26/01/2016	VO VAN BAC MS SV 401017-DT 01655868429 NOP TIEN HOC PHI KY 2~NC:LE THI HUONG - Nguoi chuyen: LE THI HUONG	001CTD1160260674		4,860,000.00	2,331,819,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DO HOANG LINH VBA BAT XAT CHUYEN TIEN~NC:DO HOANG LINH - Nguoi chuyen: DO HOANG LINH	001CTD1160260683		4,860,000.00	2,336,679,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI TRUNG ANH MSSV 402032 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260017		4,860,000.00	2,341,539,420.00

26/01/2016	26/01/2016	NONG THANH GIANG MSV:401601 NOP HOC PHI	120NT01160260066		4,860,000.00	2,346,399,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHAM HOANG CHON MSSV 401116 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260018		4,860,000.00	2,351,259,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NOP TIEN HOC PHI , PHAN THI KHANH HUYEN, MSSV: 400701~NC:PHAN THI KHANH HUYEN - Nguoi chuyen: PHAN THI KHANH HUYEN	001CTD1160260717		4,500,000.00	2,355,759,420.00
26/01/2016	26/01/2016	SV LUU THI HONG THU MSSSV : 402030 nop tien hoc phi ky 2 nam hoc 2015-2016~NC:NGUYEN THI NHUNG - Nguoi chuyen: NGUYEN THI NHUNG	001CTD1160260719		4,860,000.00	2,360,619,420.00
26/01/2016	26/01/2016	CHUYEN TIEN HOC PHI CHO SINH VIEN TRINH HUU DUC MA SO SINH VIEN 402603~NC:TRINH HUU BUONG - Nguoi chuyen: TRINH HUU BUONG	001CTD1160260747		4,860,000.00	2,365,479,420.00
26/01/2016	26/01/2016	CT CN DONG DO- TRAN HONG MINH MA SV 401239 NOP TIEN~NC:TRAN HONG MINH - Nguoi chuyen: TRAN HONG MINH	001CTD1160260764		5,040,000.00	2,370,519,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LUONG THI PHUONG THAO MSSV 402448 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260019		4,500,000.00	2,375,019,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI THANH MAI MSSV 401748 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260020		5,040,000.00	2,380,059,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HOANG THI THUONG MSSV 401739 NOP HOC PHI KI II	103NT01160260021		4,500,000.00	2,384,559,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHAM LAM OANH MSSV 401355 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260022		4,500,000.00	2,389,059,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DAM NGOC MAI PHUONG MSSV 402017 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260024		4,500,000.00	2,393,559,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRAN PHUONG UYEN MSSV 401713 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160260025		4,500,000.00	2,398,059,420.00
26/01/2016	26/01/2016	VU QUANNG KHAI NOP PHI HE DH CHINH QUY HOC KY II NAM HOC 2015-2016 MSSV 402105	300NT02160260004		4,860,000.00	2,402,919,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHUNG THI KIEU TRINH MSV 401053 NOP HOC PHI HK 2 NAM HOC 2015_2016	124NT01160260013		4,860,000.00	2,407,779,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LUONG THI NGOC HUYEN MSSV 403424 KY2/2016	420NT02160260003		4,680,000.00	2,412,459,420.00
26/01/2016	26/01/2016	PHAN THI MINH MSSV:401915 NOP HOC PHI	120NT01160260067		4,860,000.00	2,417,319,420.00
26/01/2016	26/01/2016	LE QUANG DAN MSV 402426 NTHP	120NT01160260068		4,140,000.00	2,421,459,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN VAN MANH MSSV 400457 NT HOC PHI	120NT01160260069		4,860,000.00	2,426,319,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DINH KIM QUY MSSV 402471 NT HOC PHI	120NT01160260070		4,500,000.00	2,430,819,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HOANG THI LOAN MSV 400459 NT	120NT01160260071		4,500,000.00	2,435,319,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TRAN THI HANH.MSSV: 400456 NOP TIEN HOC KY II	120NT01160260072		4,860,000.00	2,440,179,420.00

26/01/2016	26/01/2016	LE THI LOAN MSSV 401260 NT HOC PHI	120NT01160260074		4,500,000.00	2,444,679,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI THANH HUYEN MSV 401056 NOP HOC PHI HK 2 NAM HOC 2015_2016	124NT01160260014		4,860,000.00	2,449,539,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI THUTHUYMA SINH VIEN 400162: NOP HOC PHI HOC KY II NAM 2015-2016. NHAN TAI CHI NHANH DONG DO HA NOI.~NC:TRINH KIM DINH - Nguoi chuyen: TRINH KIM DINH	001CTD1160260785		4,860,000.00	2,454,399,420.00
26/01/2016	26/01/2016	TC:1T5300111.NGUYEN HUONG GIANG MA SV 403040 NOP HOC PHI~NC:DO THI NGUYET - Nguoi chuyen: DO THI NGUYET	001CTD1160260787		15,060,000.00	2,469,459,420.00
26/01/2016	26/01/2016	dong tien hoc phi cho sinh vienle linh chi ma sv 401952~NC:nguyen phuc ha - Nguoi chuyen: nguyen phuc ha	001CTD1160260801		4,860,000.00	2,474,319,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DUONG MAI NGOC MSSV400222 CT CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI NHAN TAI NH TMCP BUU DIEN LIEN VIET CN DONG DO~NC:DUONG MAI NGOC - Nguoi chuyen: DUONG MAI NGOC	001CTD1160260810		4,860,000.00	2,479,179,420.00
26/01/2016	26/01/2016	Nguyen Duy Huong chuyen tien hoc . Ma SV: 400770~NC:Nguyen Duy Huong - Nguoi chuyen: Nguyen Duy Huong	001CTD1160260846		4,860,000.00	2,484,039,420.00
26/01/2016	26/01/2016	Chu Hoang Vi chuyen tien hoc HK II. Ma SV: 400771~NC:Chu Hoang Vi - Nguoi chuyen: Chu Hoang Vi	001CTD1160260847		5,050,000.00	2,489,089,420.00
26/01/2016	26/01/2016	Nop bo sung hoc phi Nguyen Phan 403955~NC:PHAN THI HUONG GIANG - Nguoi chuyen: PHAN THI HUONG GIANG	001CTD1160260853		20,000.00	2,489,109,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DUONG THI QUYNH TRANG MSSV 400453 NT HOC PHI	120NT01160260075		4,500,000.00	2,493,609,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DUONG DUC THANG, MSV 403036 NOP HOC PHI HK2 LOP CHAT LUONG CAO 4030A	360NT02160260005		15,060,000.00	2,508,669,420.00
26/01/2016	26/01/2016	DAO MAI TRANG; MSV:403038 TAI NH TMCP BUU DIEN LIEN VIET-CN DONG DO-HA NOI~NC:DAO MAI TRANG - Nguoi chuyen: DAO MAI TRANG	500CTD1160260474		15,060,000.00	2,523,729,420.00
26/01/2016	26/01/2016	CT hoc phi ma SV: 402252, Lop 22, So thu tu: 52, khoa 40.~NC:Nong Thi Thu Hoai - Nguoi chuyen: Nong Thi Thu Hoai	001CTD1160260947		4,860,000.00	2,528,589,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NOP TIEN HOC PHI CHO NGUYEN HAI ANH - MA SV 403258~NC:LY KIM OANH - Nguoi chuyen: LY KIM OANH	001CTD1160260951		5,220,000.00	2,533,809,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI HONG PHUONG CT NOP HOC PHI HOC KY II CHO NGO THU HIEN MA SO 403019	240NT02160260004		15,100,000.00	2,548,909,420.00
26/01/2016	26/01/2016	HOANG THI MINH TRANG MSV 402806 ~NC:0974381697 - Nguoi chuyen: 0974381697	001CTD1160260962		4,500,000.00	2,553,409,420.00

26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI GAI MSV 402849 ~NC:01633572954 - Nguoi chuyen: 01633572954	001CTD1160260963		4,500,000.00	2,557,909,420.00
26/01/2016	26/01/2016	NGUYEN THI TRANG MSV 402857 ~NC:01656030859 - Nguoi chuyen: 01656030859	001CTD1160261046		4,500,000.00	2,562,409,420.00
26/01/2016	26/01/2016	SINH VIEN NOP HOC PHI KI II-2016 MA SO SINH VIEN 401751- HO TEN : TRAN THU NGAN	103CT01160260002		4,500,000.00	2,566,909,420.00
Cộng doanh số Total					825,350,000.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						2,566,909,420.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bảng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bảng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát

Sao kê chi tiết từ **26/01/2016** đến **26/01/2016**

From date To date

Mã khách hàng : **99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI-TGTT VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819999** Số cũ: 41201200034697040106

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **27/01/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance						1,874,896,094.00
26/01/2016	26/01/2016	Nop thue MST 0102666102: C557 TM1001 KT 10/2015 ST 367604141 ;	120THNS160260002	367,604,141.00		1,507,291,953.00
26/01/2016	26/01/2016	Nop thue MST 0102666102: C557 TM1001 KT 10/2015 ST 367604141 ;	120THNS160260002	10,000.00		1,507,281,953.00
26/01/2016	26/01/2016	Nop thue MST 0102666102: C557 TM1001 KT 10/2015 ST 367604141 ;	120THNS160260002	1,000.00		1,507,280,953.00
26/01/2016	26/01/2016	Nop thue MST 0102666102: C014 TM1804 KT 01/2016 ST 1000000 ;	120THNS160260003	1,000,000.00		1,506,280,953.00
26/01/2016	26/01/2016	Nop thue MST 0102666102: C014 TM1804 KT 01/2016 ST 1000000 ;	120THNS160260003	10,000.00		1,506,270,953.00
26/01/2016	26/01/2016	Nop thue MST 0102666102: C014 TM1804 KT 01/2016 ST 1000000 ;	120THNS160260003	1,000.00		1,506,269,953.00
Cộng doanh số Total				368,626,141.00		
Số dư cuối kỳ Ending Balance						1,506,269,953.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bằng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bằng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát